

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ

Số: 1018/1997/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm
miền Trung giai đoạn từ nay đến năm 2010*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các
dự án đầu tư tại Công văn số 6854/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 1997,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm 4 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi) thời kỳ từ nay đến năm 2010 với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

Phấn đấu GDP bình quân đầu người đạt 406 USD vào năm 2000; và đạt 1.337 USD vào năm 2010.

Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 14,5% từ nay đến năm 2000 và đạt 15% giai đoạn 2001 - 2010.

Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân hàng năm từ 25% đến 30% trong suốt giai đoạn từ nay đến năm 2010.

Tỷ lệ tích lũy từ GDP phấn đấu đến năm 2000 đạt 10%, và đến năm 2010 đạt trên 19%.

Về xã hội:

Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh đẻ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đa dạng hoá hình thức đào tạo để nâng cao dân trí, trình độ học vấn, nâng số lao động được đào tạo lên 16% vào

năm 2000, và đạt 35% vào năm 2010, nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phấn đấu nâng tỷ lệ trẻ em ở độ tuổi giáo dục mầm non được tiếp nhận vào nhà trẻ và mẫu giáo; bảo đảm trẻ em từ 6 đến 14 tuổi đều được đi học;

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở và chú trọng chăm sóc sức khoẻ cho người dân.

Bảo đảm tốt các nhu cầu về điện, nước, đi lại, thông tin liên lạc, đáp ứng các điều kiện sống cơ bản cho nhân dân, đặc biệt dân cư vùng nông thôn, vùng núi cao, hải đảo và vùng bãi ngang ven biển. Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hoá gắn với cộng đồng, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Phấn đấu giải quyết cơ bản việc làm cho người lao động, thực hiện tốt mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

3. Về an ninh quốc phòng:

Phát triển kinh tế phải đi đôi với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững chủ quyền đất nước thông qua sử dụng hợp lý, có hiệu quả các tiềm năng và nguồn lực.

Giữ gìn kỷ cương phép nước, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU:

1. Về kết cấu hạ tầng cơ sở:

Xây dựng mới đi đôi với cải tạo kết cấu hạ tầng cơ sở đô thị và nông thôn. Chú trọng mạng lưới giao thông nông thôn và miền núi, biên giới, tạo điều kiện phát triển cho vùng khó khăn, căn cứ kháng chiến cũ.

Xây dựng giải hành lang ven biển gắn kết với trục quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt, cảng biển, sân bay, thiết lập đầu mối giao thông từ cảng đến vùng Tây Nguyên theo các trục đường quốc lộ 14B, đường quốc lộ 24, với Lào, đông bắc Thái Lan và đông bắc Campuchia theo trục đường xuyên Á.

Phát triển hệ thống cảng biển: Thuận An, Tiên Sa, Sông Hàn, Kỳ Hà, Sa Kỳ; từng bước xây dựng và hiện đại hoá ba cảng nước sâu: Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây.

Từng bước hiện đại hoá các sân bay: Đà Nẵng, Phú Bài, cải tạo sân bay Chu Lai phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp, thoát nước các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Dung Quất, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Chân Mây. Chú trọng giải quyết nước sạch cho khu vực thành thị và nông thôn.

Cải tạo và làm mới các công trình thuỷ lợi đầu nguồn một số sông để giữ nước ngọt, điều tiết, kiểm soát lũ, chống nhiễm mặn, bảo đảm tưới tiêu cho sản xuất và nhu cầu dân sinh.

Về mạng lưới điện: Đầu tư xây dựng các trạm biến thế cho các khu công nghiệp, phát triển mạng lưới điện các tỉnh và vùng kết hợp với mạng lưới điện quốc gia. Đồng thời phát triển lưới điện phục vụ công nghiệp chế biến và tiêu dùng nông thôn.

Về bưu chính viễn thông: Xây dựng hoàn chỉnh và hiện đại hoá mạng lưới thông tin viễn thông nhằm đáp ứng nhu cầu liên lạc trong, ngoài vùng và giao lưu quốc tế. Phấn đấu đạt 3,5 máy trên 100 dân vào năm 2000; và đạt 13,4 máy trên 100 dân vào năm 2010.

Về tổ chức không gian lãnh thổ: Nâng cấp và phát triển các thành phố, thị xã, thị trấn hiện có. Xây dựng các đô thị mới, chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát triển thành phố Huế và Đà Nẵng. Tổ chức không gian đô thị theo các hành lang phát triển; đồng thời tổ chức phát triển các điểm dân cư khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc ít người, tạo điều kiện cho sự phát triển đồng đều trong vùng và chung cả nước.

2. Về phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng nông nghiệp, lâm nghiệp thời kỳ từ nay tới năm 2000 là 4,5%, giai đoạn 2001 - 2010 đạt trên 4%.

Phát triển ngành nông nghiệp để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên cơ sở chuyển đổi mùa vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đầu tư thâm canh cao phù hợp với hệ sinh thái và môi trường, phòng tránh thiên tai lụt bão; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến tạo ra thế phát triển bền vững. Đặc biệt chú trọng những cây công nghiệp ngắn ngày: mía, lạc, thuốc lá... phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của vùng nhằm cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

Phát triển chăn nuôi theo hướng đa dạng hoá: nạc hoá đàn lợn, phát triển đàn bò sữa, bò thịt, phát triển gia cầm phục vụ đời sống và công nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu.